

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng lên ngưỡng 1,265 trước khi bị áp lực chốt lời tại đây đẩy xuống giao dịch trong vùng 1,255 – 1,260 trước khi đóng cửa tại mốc 1,258.63 điểm, giảm nhẹ hơn 3 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Bất động sản, Dịch vụ tài chính,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và HNX. Hiện tại VN-Index đang tìm điểm cân bằng quanh ngưỡng 1,260, nhà đầu tư nên cẩn trọng trong những phiên giao dịch tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2411, VN30F2412, VN30F2503, VN30F2506,

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 30/10/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-3.15** điểm, đóng cửa tại **1258.63** điểm. HNX-Index **+0.32** điểm, đóng cửa tại **225.88** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+0.43)**, **STB (+0.35)**, **BID (+0.21)**, **HVN (+0.19)**, **VIB (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.63)**, **VCB (-0.41)**, **VNM (-0.35)**, **VIC (-0.32)**, **CTG (-0.26)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,151** tỷ đồng, giảm **-4.12%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12,676 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.77 điểm. Thị trường có **163** mã tăng, 74 mã tham chiếu, **210** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-143.88** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-90.13** tỷ), **STB (-83.69** tỷ), **VHM (-73.27** tỷ), **SSI (-70.17** tỷ), **HPG (-56.28** tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-11.68** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.71%**. Các mã diễn biến tích cực: **GMD (+4.00%)**, **DCM (+1.87%)**, **DGW (+1.87%)**.
- BSC50 **+0.61%**. Các mã diễn biến tích cực: **CSV (+6.94%)**, **PTB (+3.87%)**, **VIB (+2.74%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.71%	0.61%	0.56%	0.56%
1 tuần	-0.76%	-0.55%	-1.19%	-1.53%
1 tháng	-1.29%	-0.76%	-0.66%	-0.32%
3 tháng	6.21%	6.29%	5.62%	8.02%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,258.63	225.88	92.46
% 1D	-0.25%	0.14%	0.15%
GTGD (tỷ VND)	11,151	644	477
%1D	-4.12%	13.93%	-7.01%
GDNN (tỷ VND)	-143.88	-11.68	9.40

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	141.09	MSN	-90.13
TCB	124.73	STB	-83.69
FPT	108.87	VHM	-73.27
DXG	25.14	SSI	-70.17
PDR	22.83	HPG	-56.28

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,833	0.16%	-0.31%
FTSE100	8,187	-0.40%	-0.87%
Eurostoxx	4,919	-0.76%	-0.36%
Shanghai	3,267	-0.58%	-1.07%
Nikkei	39,332	1.16%	3.29%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

Giá dầu Brent	71.02	0.41%
Giá vàng	2,775	

Tỷ giá

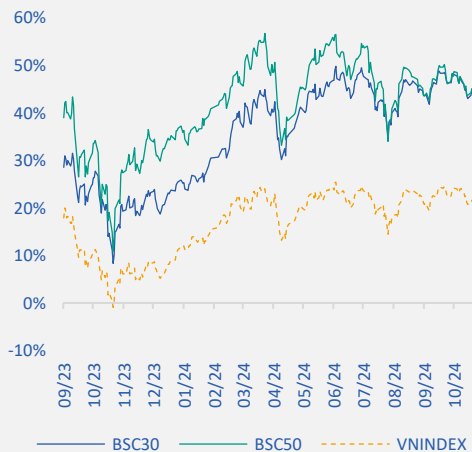
USD/VND	25,458	-0.02%
EUR/VND	28,180	0.16%
JPY/VND	168	-0.59%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.7%	0.00%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



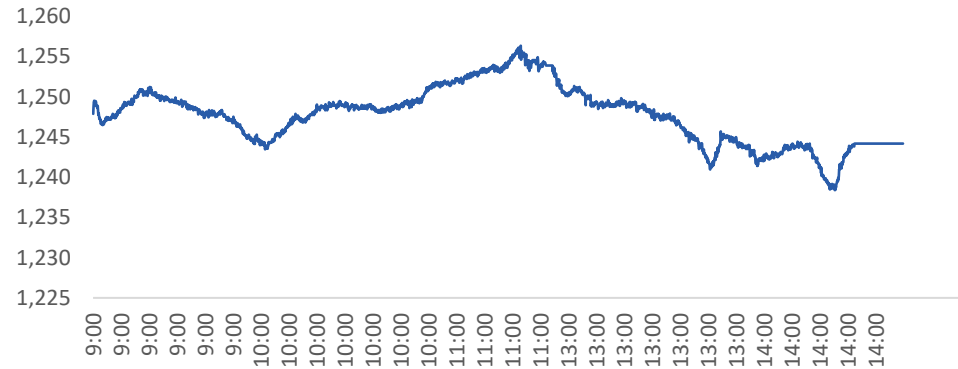
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2411	1342.00	0.19%	186,935	14.04%	11/21/2024	22
VN30F2412	1343.30	0.10%	234	-22.77%	12/19/2024	50
VN30F2503	1341.30	0.20%	39	-61.00%	3/20/2025	141
VN30F2506	1344.60	0.43%	34	54.55%	6/19/2025	232

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -1.91 điểm, đóng cửa tại 1333.85 điểm. Biên độ dao động 11.33 điểm. Các cổ phiếu như VHM, MWG, VNM, ACB, VIC tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh từ khi mở cửa với thanh khoản vượt ngưỡng MA20. Chiến lược là canh mua cổ phiếu, Long/Short linh hoạt với phái sinh, chú ý basis và trụ.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2411, VN30F2412, VN30F2503, VN30F2506, Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, VN30F2503, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2411, VN30F2506,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2403	12/6/2024	37	145,700	-75.52%	3.00	1,380	15.0%	7.95	8.52	34.80	34.80
CSTB2337	11/21/2024	22	716,800	-69.91%	2.70	1,110	9.9%	4.59	10.47	34.80	34.80
CSTB2402	5/21/2025	203	868,000	-72.33%	3.00	2,210	5.7%	10.63	9.63	34.80	34.80
CSTB2404	3/6/2025	127	1,788,600	-74.43%	3.10	1,450	5.1%	7.94	8.90	34.80	34.80
CVIB2305	1/9/2025	71	902,000	-75.06%	2.08	470	2.2%	2.99	4.74	19.00	19.00
CFPT2314	1/9/2025	71	48,700	-56.16%	8.64	5,900	1.4%	14.75	59.58	135.90	135.90
CTPB2402	12/6/2024	37	212,800	-72.19%	1.80	1,540	1.3%	7.94	4.80	17.25	17.25
CVPB2401	5/21/2025	203	158,500	-78.43%	1.99	1,250	0.0%	9.64	4.37	20.25	20.25
CVPB2403	3/6/2025	127	93,300	-77.38%	1.90	1,340	0.0%	9.19	4.58	20.25	20.25
CMBB2402	5/21/2025	203	92,000	-75.26%	2.35	1,960	0.0%	11.61	6.18	25.00	25.00
CMBB2315	1/9/2025	71	166,800	-68.85%	1.96	1,490	0.0%	5.89	7.79	25.00	25.00
CVNM2401	5/21/2025	203	493,900	-74.60%	6.60	1,280	0.0%	7.48	16.84	66.30	66.30
CMBB2404	3/6/2025	127	331,000	-77.80%	2.35	1,600	0.0%	11.34	5.55	25.00	25.00
CFPT2317	11/21/2024	22	26,400	-58.22%	8.72	3,710	-0.5%	9.82	56.77	135.90	135.90
CHPG2402	5/21/2025	203	57,600	-74.31%	2.82	1,510	-0.7%	8.90	6.94	27.00	27.00
CHPG2342	11/21/2024	22	158,000	-72.39%	2.18	580	-1.7%	2.73	7.45	27.00	27.00
CMWG2314	1/9/2025	71	569,200	-68.43%	5.16	1,580	-2.5%	6.14	20.83	66.00	66.00
CMWG2401	5/21/2025	203	150,100	-77.93%	6.55	2,020	-3.8%	15.02	14.56	66.00	66.00
CMWG2403	3/6/2025	127	203,400	-78.43%	6.45	1,570	-4.8%	12.03	14.24	66.00	66.00
CVHM2402	3/6/2025	127	229,100	-73.68%	4.15	1,670	-5.1%	9.27	10.83	41.15	41.15

- Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 30/10/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2405 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 17.00%. CVHM2404 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.58%.
 - CFPT2314, CFPT2317, CMWG2314, CMBB2315, và CSTB2337 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CSTB2405, CSTB2333, CMWG2401, CFPT2314, và CVNM2403 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	24.00	1.05%	0.43	7.05
STB	34.80	2.20%	0.35	1.89
BID	47.70	0.32%	0.21	5.70
HVN	22.35	1.59%	0.19	2.21
VIB	19.00	1.33%	0.18	2.98

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	55.20	2.79%	0.36	0.33
HUT	16.30	0.62%	0.06	0.89
L18	38.70	5.74%	0.06	0.04
DTK	11.90	0.85%	0.05	0.68
NVB	8.90	1.14%	0.04	0.56

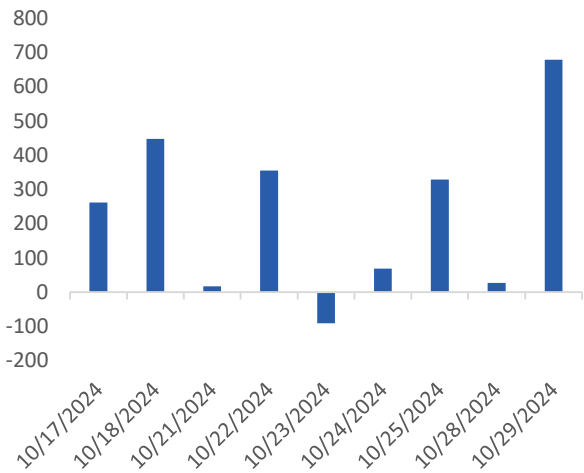
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	41.15	-3.74%	-1.63	4.35
VCB	91.70	-0.33%	-0.41	5.59
VNM	66.30	-1.04%	-0.35	2.09
VIC	41.00	-0.85%	-0.32	3.82
CTG	34.75	-0.57%	-0.26	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	48.70	-2.40%	-0.17	0.20
MBS	28.30	-1.39%	-0.15	0.55
SHS	14.10	-0.70%	-0.06	0.81
PVS	37.80	-0.26%	-0.03	0.48
TIG	13.00	-1.52%	-0.03	0.19

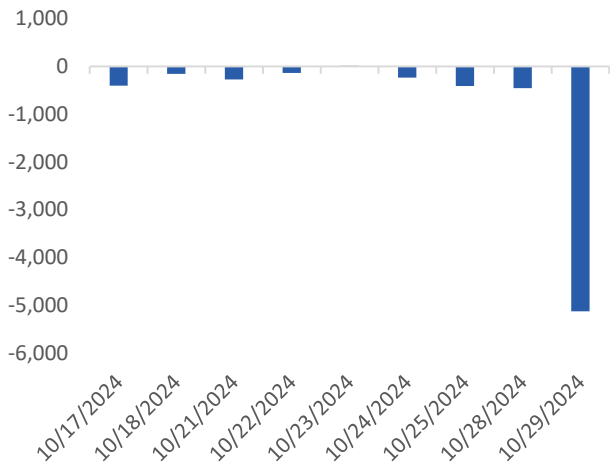
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	91.7	-0.30%	0.7	20,222	2.3	5,962	15.4	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	47.7	0.30%	1.3	10,728	2.7	4,006	11.9	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.2	0.00%	1.0	6,339	8.0	1,461	13.9	-	25.1%	Link
TCB	Ngân hàng	24.0	1.10%	1.3	6,671	10.5	3,207	7.5	-	22.0%	Link
MBB	Ngân hàng	25.0	0.00%	1.1	5,234	6.2	4,018	6.2	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	34.8	2.20%	1.3	2,588	23.5	4,340	8.0	-	23.7%	Link
CTG	Ngân hàng	34.8	-0.60%	1.5	7,363	3.6	3,782	9.2	-	296.5%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	-0.40%	0.8	4,424	3.8	3,638	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	26.4	-1.30%	1.4	2,039	10.0	1,882	14.0		39.4%	Link
IDC	Xây dựng	55.2	2.80%	1.1	719	4.1	5,573	9.9	65,700	23.5%	Link
HPG	Xây dựng	27.0	-0.20%	1.1	6,814	11.8	1,746	15.5	41,500	22.1%	Link
HSG	VLXD	20.4	-1.70%	1.6	499	4.4	1,844	11.0	25,300	11.2%	Link
VHM	BĐS	41.2	-3.70%	0.8	7,070	51.7	5,350	7.7	108,300	13.8%	Link
KDH	BĐS	33.5	0.00%	1.2	1,336	2.1	765	43.8	44,500	33.5%	Link
NLG	BĐS	39.4	0.80%	1.3	598	2.4	793	49.7	-	48.6%	Link
DGC	Hóa chất	111.4	-0.70%	1.5	1,669	3.0	7,791	14.3	115,000	18.0%	Link
DCM	Phân bón	37.6	-1.30%	1.0	785	2.7	2,917	12.9	38,700	7.4%	Link
GAS	Dầu khí	70.6	-0.30%	0.5	6,526	0.9	4,760	14.8	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	37.8	-0.30%	1.0	713	2.1	1,932	19.6	57,000	21.4%	Link
PVD	Dầu khí	25.6	-0.60%	1.3	562	3.3	1,155	22.2	38,400	12.7%	Link
POW	Dầu khí	12.0	0.00%	0.6	1,113	1.1	463	26.0	17,100	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	71.0	-1.30%	1.3	629	1.4	3,814	18.6	108,500	29.0%	Link
GMD	Logistics	65.1	0.20%	0.8	1,063	2.8	4,054	16.1	90,400	36.7%	Link
VNM	Bán lẻ	66.3	-1.00%	0.4	5,467	9.0	4,633	14.3	93,100	51.8%	Link
MSN	Bán lẻ	78.1	0.10%	1.0	4,662	17.4	898	87.0	110,000	26.5%	Link
MWG	Bán lẻ	66.0	-0.80%	1.0	3,807	23.2	1,507	43.8	-	47.2%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.5	-0.80%	1.0	1,273	1.0	5,960	16.0	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	43.0	-1.40%	1.8	368	1.8	2,236	19.2	66,600	24.0%	Link
FPT	Bán lẻ	135.9	0.40%	1.1	7,888	9.2	5,129	26.5	107,900	46.0%	Link
CTR	Hạ tầng	127.9	-1.10%	1.5	577	0.8	4,590	27.9	-	9.6%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	27.2	-0.40%	1.0	3,126	7.4	4,137	6.6	1.6	17.9%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.0	1.30%	1.2	2,233	16.3	3,048	6.2	1.3	4.2%	21.4%
TPB	Ngân hàng	17.2	0.90%	1.3	1,798	7.6	2,154	8.0	1.1	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	12.2	-0.80%	1.1	1,257	5.8	2,366	5.2	0.7	28.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	20.0	0.30%	0.7	1,470	4.4	1,273	15.7	1.5	3.1%	9.9%
HCM	Chứng khoán	28.4	-1.00%	1.7	805	5.9	1,409	20.1	2.0	44.2%	10.6%
VCI	Chứng khoán	34.4	-0.90%	1.5	779	6.0	1,419	24.2	2.3	18.7%	9.6%
VND	Chứng khoán	14.5	-1.40%	1.5	871	3.0	1,503	9.6	1.1	12.1%	15.0%
BSI	Chứng khoán	47.6	-0.90%	1.9	418	0.5	1,732	27.5	2.1	40.1%	9.3%
SHS	Chứng khoán	14.1	-0.70%	1.7	452	3.0	1,178	12.0	1.0	5.5%	10.5%
CTD	Xây dựng	67.0	-0.90%	1.5	264	2.1	3,098	21.6	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.8	1.30%	1.5	201	1.4	869	13.6	0.6	7.9%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.7	1.40%	1.5	82	0.5	766	14.0	0.8	2.1%	5.7%
SZC	Xây dựng	39.2	1.00%	1.0	278	1.8	1,572	24.9	2.3	3.2%	12.1%
SIP	Xây dựng	74.2	4.50%	1.3	616	1.8	5,931	12.5	3.4	2.4%	29.0%
PHR	BĐS KCN	55.5	-0.40%	0.9	297	0.1	3,028	18.3	2.0	18.2%	12.1%
DIG	BĐS	20.6	0.20%	1.7	494	3.6	151	136.1	1.6	4.8%	1.1%
CEO	BĐS	15.2	0.00%	1.9	324	1.6	318	47.8	1.3	5.3%	2.1%
KBC	BĐS KCN	26.2	-0.20%	1.5	795	3.1	300	87.5	1.1	19.7%	1.7%
VGC	BĐS KCN	40.9	-0.20%	1.3	724	0.6	1,312	31.2	2.2	3.7%	8.2%
GVR	BĐS KCN	32.7	-0.80%	1.5	5,161	1.8	693	47.2	2.5	0.5%	6.5%
NKG	BĐS KCN	20.6	-0.50%	1.6	214	1.3	1,580	13.1	0.9	8.2%	7.4%
BMP	Vật liệu	137.3	1.00%	1.2	444	1.2	12,420	11.1	3.8	84.5%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.3	-0.40%	1.4	198	0.4	683	19.5	1.0	4.8%	6.0%
DXG	BĐS	16.6	1.20%	1.5	471	7.3	249	66.5	1.1	19.0%	1.9%
VRE	Bất động sản	18.2	0.30%	1.3	1,632	3.1	1,975	9.2	1.0	21.2%	11.9%
PDR	Bất động sản	21.2	0.50%	1.8	732	4.3	500	42.5	1.7	7.5%	5.0%
DIG	Bất động sản	20.6	0.20%	1.7	494	3.6	151	136.1	1.6	4.8%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.3	0.60%	0.9	574	0.6	64	256.9	1.7	1.6%	1.7%
C4G	Xây dựng	8.7	2.40%	1.0	-	0.1	503	17.3	0.8	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	37.6	-0.50%	1.7	164	2.0	2,122	17.7	2.8	2.5%	15.2%
DHC	Hóa chất	35.3	1.70%	1.0	112	0.2	3,067	11.5	1.5	39.2%	13.3%
DRC	Cao su	28.2	-0.90%	0.8	132	0.4	2,259	12.5	1.7	10.0%	16.5%
PC1	Điện	26.8	-1.10%	1.1	330	1.3	1,203	22.3	1.6	13.1%	6.1%
HDG	BĐS	26.6	0.40%	1.4	354	1.6	1,958	13.6	1.5	14.7%	11.8%
GEX	Điện	20.5	-1.40%	1.5	695	2.8	1,207	17.0	1.3	7.4%	7.0%
QTP	Điện	13.8	0.00%	0.6	-	0.1	1,500	9.2	1.2	1.0%	11.2%
PLX	O&G	41.4	-1.20%	0.7	2,076	0.9	2,879	14.4	2.1	17.7%	13.8%
BSR	O&G	21.5	0.00%	0.9	-	1.3	2,408	8.9	1.1	0.0%	13.4%
PLC	O&G	22.1	-1.30%	1.4	70	0.0	734	30.1	1.5	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	33.1	0.80%	1.2	174	0.6	315	105.0	1.5	0.9%	1.2%
PTB	Gỗ	62.0	0.30%	1.1	164	0.3	4,899	12.7	1.5	24.3%	11.9%
VSC	Logistics	17.0	-0.30%	1.3	192	0.6	713	23.8	1.1	2.3%	7.3%
HAH	Logistics	43.8	0.70%	1.0	210	5.8	2,800	15.6	1.9	9.9%	10.6%
DBC	Logistics	27.7	-1.40%	1.6	366	6.2	1,604	17.3	1.4	10.0%	5.0%
FRT	Bán lẻ	171.2	-0.40%	0.8	920	1.1	(414)	-413.1	14.0	37.3%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.9	-0.40%	0.5	-	0.5	6,553	7.5	1.9	12.0%	28.7%
TNG	Dệt may	25.0	-0.40%	1.1	121	1.3	2,427	10.3	1.6	16.0%	14.7%
PVT	O&G	27.5	0.00%	0.9	386	2.4	2,805	9.8	1.4	13.1%	14.2%
DPM	Phân bón	34.6	-1.00%	1.1	534	1.5	1,703	20.3	1.1	8.0%	5.5%
REE	Tiện ích	65.0	0.60%	1.1	1,208	1.7	3,804	17.1	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024			Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
10	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
12	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
13	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website	BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh	BSC Trụ sở chính
http://www.bsc.com.vn	Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: +84 8 3821 8885 Fax: +84 8 3821 8510	Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: +84 4 3935 2722 Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660